

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN (FNS)  
Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q. 1, Tp. HCM  
ĐT: 028.6295 9158 - Fax: 028.6295 9218

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2022



## MỤC LỤC

<b>TỔNG QUAN VỀ FNS</b>	<b>02</b>
Thông tin khái quát	
Quá trình hình thành và phát triển	
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	
Định hướng phát triển	
Các rủi ro	
<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>07</b>
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tổ chức và nhân sự	
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	
Tình hình tài chính	
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	
<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	<b>11</b>
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tình hình Tài chính	
Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	
Kế hoạch phát triển trong tương lai	
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	
<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>15</b>
Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	
<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>16</b>
Hội đồng quản trị	
Ban Kiểm soát	
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán	
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN</b>	<b>18</b>

## I. TỔNG QUAN VỀ FNS

### 1. Thông tin khái quát

#### TẦM NHÌN

- Trở thành Công ty Chứng khoán được tin cậy hàng đầu tại Việt Nam.

#### SỨ MỆNH

- Mang lại sự thuận lợi tối đa cho khách hàng, đối tác bằng việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng. Tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông của công ty. Góp phần xây dựng thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển thịnh vượng. Là điểm đến lý tưởng cho các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

#### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

##### An toàn

- FNS cam kết bảo mật đối với tất cả các giao dịch của khách hàng. FNS cam kết trung thực, tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp trong mỗi hành động nhằm tạo dựng uy tín và sự tin cậy của khách hàng đối với nhân viên và Công ty.

##### Chuyên nghiệp

- FNS xác định sự chuyên nghiệp trong sản phẩm, con người, quy trình chính là nền tảng cơ bản để FNS thực hiện cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính tới khách hàng.

##### Sự hài lòng của khách hàng

- FNS liên tục cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ và tin rằng sự cố gắng đó sẽ được đền đáp xứng đáng bằng sự hài lòng của khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ. FNS cũng luôn luôn lắng nghe và tiếp thu các ý kiến của khách hàng nhằm cải thiện để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

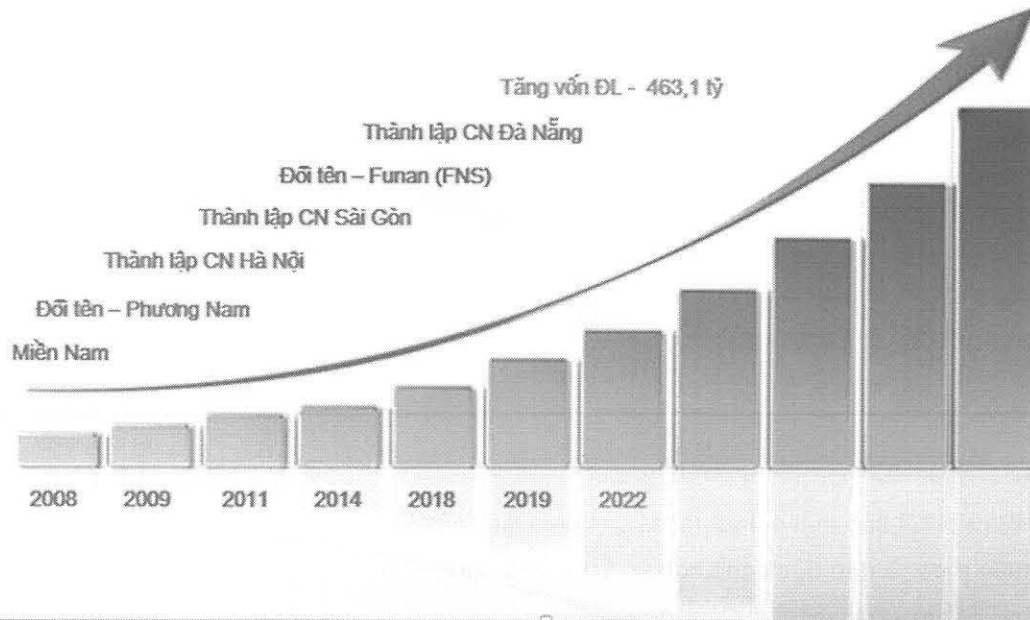
##### Đổi mới

- FNS xác định việc liên tục đổi mới tư duy, cách nghĩ và thực hành sáng tạo giúp cho FNS không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ, sản phẩm và giải pháp cung cấp cho khách hàng.

#### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN
- Tên tiếng Anh : FUNAN SECURITIES CORPORATION
- Tên viết tắt : FNS
- Giấy CN ĐKDN : số 87/UBCK-GP ngày 27/6/2008 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp
- Vốn điều lệ : 463.100.000.000 đồng (Bốn trăm sáu ba tỷ một trăm triệu đồng)
- Địa chỉ : Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp.HCM
- Điện thoại : 028. 62959158 - Fax: 028. 62959218
- Website : www.funan.com.vn

## 2. Quá trình hình thành và phát triển



### Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### a. Ngành nghề kinh doanh

FNS là Công ty Chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động trên tất cả các lĩnh vực bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Bên cạnh đó, FNS cũng cung cấp dịch vụ quản lý số cổ đông, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

#### b. Địa bàn kinh doanh

##### Trụ sở Công ty

Địa chỉ : Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

##### Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 10, tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

##### Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ : Tầng 3, số 353-353bis-355 An Dương Vương, P. 3, Q. 5, Tp. Hồ Chí Minh

##### Chi nhánh Đà Nẵng

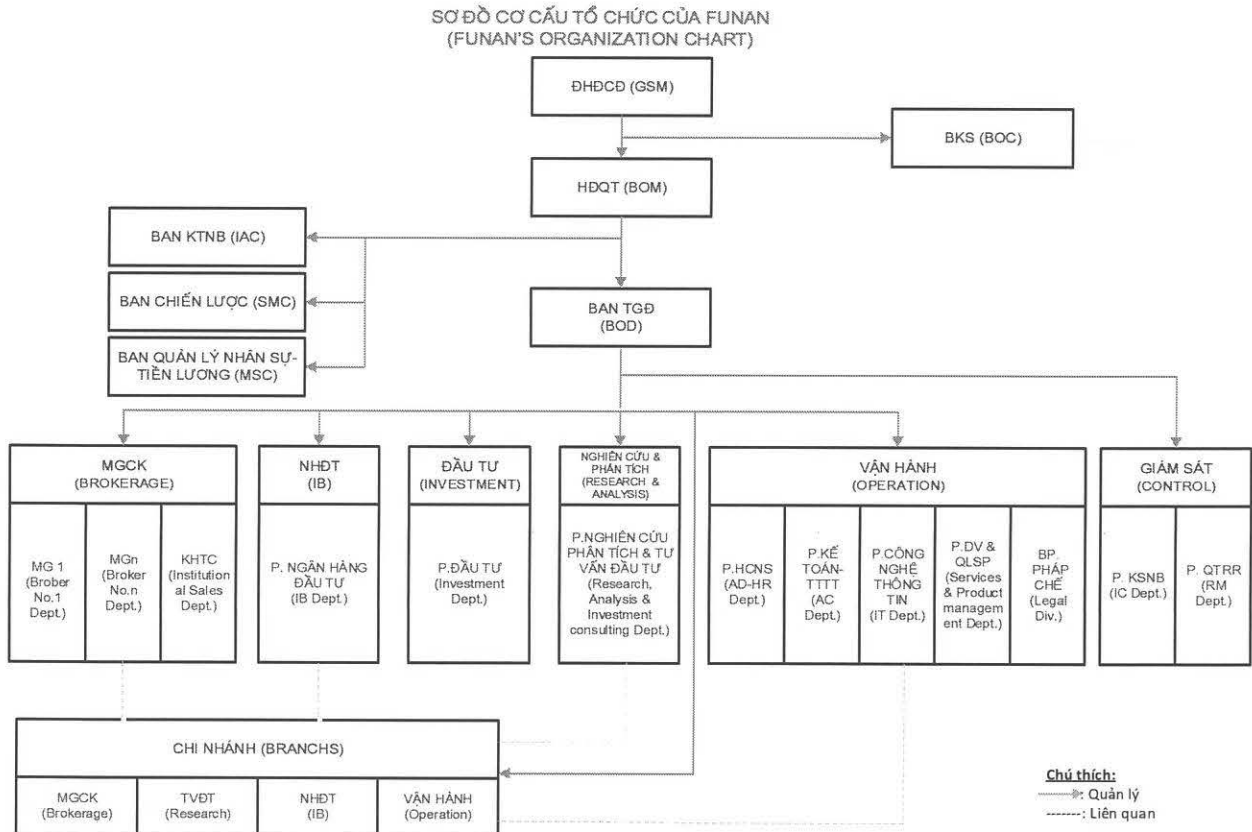
Địa chỉ : Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị doanh nghiệp của FNS được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của FNS đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành một hệ thống quy chế quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban tại Trụ sở và các Chi nhánh.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



c. Các công ty con, công ty liên kết

Không có.

4. Định hướng phát triển

Khái niệm “phát triển bền vững” ngày càng được mở rộng, không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo duy trì lợi ích kinh tế mà còn xem xét đến lợi ích của các bên liên quan, cũng như nguy cơ đối mặt với các tác động tiêu cực lâu dài tiềm ẩn.

Là một trong những định chế tài chính chuyên nghiệp, FNS hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững.

Mục tiêu định hướng phát triển bền vững của FNS

<b>GIA TĂNG GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Tăng trưởng ổn định</li><li>▪ Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động</li><li>▪ Phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp</li><li>▪ Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ</li><li>▪ Tăng tính minh bạch</li></ul>
<b>MANG LẠI LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG &amp; KHÁCH HÀNG</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Duy trì cổ tức ổn định cho cổ đông</li><li>▪ Phục vụ khách hàng/nhà đầu tư chuyên nghiệp</li><li>▪ Đa dạng hóa sản phẩm theo hướng có chiều sâu và kịp thời</li><li>▪ Tăng các dịch vụ tài trợ, kênh huy động vốn</li><li>▪ Tách bạch tài sản khách hàng</li></ul>
<b>HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Hoàn thành trách nhiệm với Nhà nước</li><li>▪ Chia sẻ với cộng đồng</li><li>▪ Bảo vệ môi trường</li></ul>

## 5. Các rủi ro

### a. Nhận diện rủi ro của FNS

Ngoài các rủi ro mang tính chung nhất, khách quan mà bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh như: rủi ro kinh tế, rủi ro cạnh tranh, rủi ro lãi suất, rủi ro thiên tai... FNS còn phải đối mặt với các rủi ro mang tính đặc thù, riêng có do đặc điểm của ngành. Bao gồm:

#### - Rủi ro thị trường

Là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản của FNS theo chiều hướng bất lợi như:

- Chứng khoán trong danh mục tự doanh hoặc chứng khoán cho khách hàng vay ký quỹ bị giảm giá.
- Giảm giá của tài sản cố định Công ty đang sở hữu.
- Giảm giá chứng khoán bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn chưa phân phối và chưa nhận thanh toán đầy đủ trong thời gian bảo lãnh phát hành.

#### - Rủi ro thanh toán

Là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi FNS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán, hay rủi ro FNS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.

#### - Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro xảy ra khi công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để bảo đảm các khoản vay có khả năng thanh khoản

thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản.

**Rủi ro hoạt động**

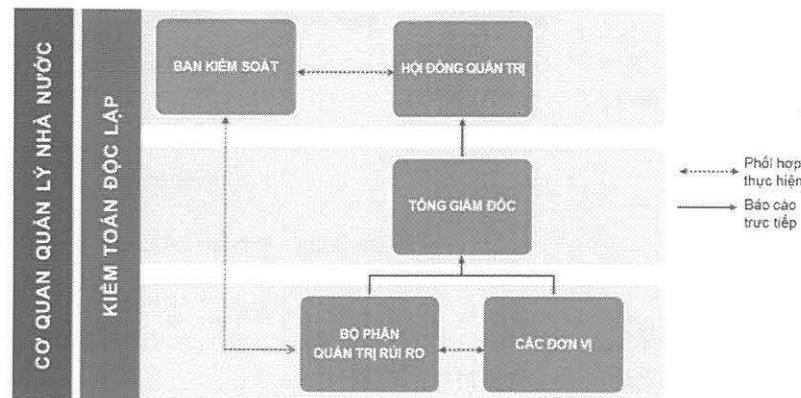
Bao gồm rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, lỗi quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

**Rủi ro pháp lý**

Là rủi ro phát sinh từ việc không cập nhật và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. Có thể kể ra đây như: các giao dịch có khả năng bị vô hiệu do không phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành; Hợp đồng bị hủy bỏ do bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản, hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn hoặc do các nguyên nhân khác ....

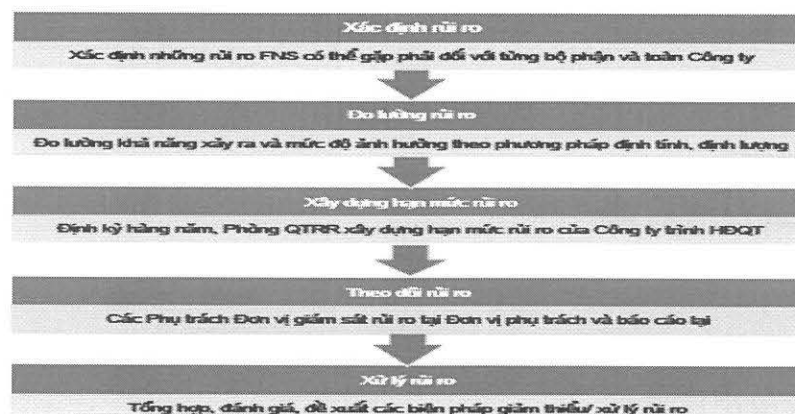
**b. Hệ thống quản lý rủi ro của FNS**

FNS luôn ý thức quản trị rủi ro tốt là nền tảng quan trọng để một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất tới các bộ phận nghiệp vụ. Kết hợp với đó là việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn hiện đại, tiên tiến. Từ năm 2014, FNS đã hoàn tất xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống quản trị rủi ro với mô hình như sau:



**c. Quy trình quản trị rủi ro của FNS**

Trên cơ sở hệ thống quản trị rủi ro và các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro đã được thiết lập, FNS đã xây dựng và áp dụng quy trình quản trị rủi ro gồm các bước:





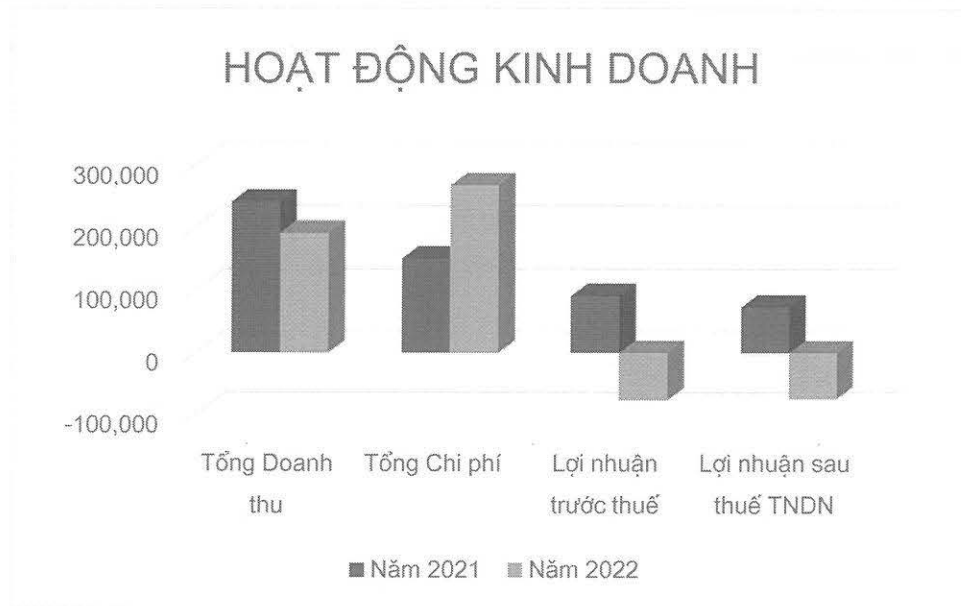
## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2022 của FNS

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng Doanh thu	241,825	191,525
2	Tổng Chi phí	150,684	268,084
3	Lợi nhuận trước thuế	91,141	(76,559)
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	73,154	(74,276)



### 2. Tổ chức và nhân sự

#### a. Danh sách Ban điều hành tại ngày 31/12/2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022
1	Trần Đình Khánh	Tổng Giám đốc	5,000
2	Nguyễn Thị Đoàn Thùy	Kế toán trưởng	10,000

#### b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Không phát sinh.

#### c. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến 31/12/2022, tổng số lao động của công ty là 78 người.

Chỉ tiêu	Tổng số (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số người lao động	78	100



Chỉ tiêu	Tổng số (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
Đại học và trên Đại học	67	85.9
Cao đẳng	1	1.28
Trung cấp	1	1.28
Lao động phổ thông	9	11.54
<b>Phân theo giới tính</b>		
Nam	39	50
Nữ	39	50

d. Chính sách đối với người lao động

- *Về tiền lương*

Công ty có xây dựng cơ chế lương và điều chỉnh tăng lương cơ bản hàng năm theo quy định của Nhà Nước. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích những đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo tiền lương được phân phối theo năng lực cũng như mức độ đóng góp của từng nhân viên cho Công ty.

- *Về chính sách đào tạo*

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung:

- Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.
- Hàng năm các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho cán bộ quản lý cấp cao để theo dõi, chỉ đạo.

- *Về chế độ làm việc*

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm đau, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Công ty tạo môi trường làm việc thoáng mát, thân thiện, cung cấp máy tính, thiết bị công cụ và dụng cụ khác đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất để người lao động làm việc.

- *Chế độ khen thưởng*

Chế độ khen thưởng của FNS gắn liền với hoạt động kinh doanh và năng suất hiệu quả trong công việc. Khen thưởng định kỳ, khen thưởng đột xuất đối với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc để tạo động lực cho nhân viên Công ty cố gắng, sáng tạo và cống hiến nhiều hơn cho Công ty.

- *Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội*

Tất cả nhân viên chính thức của FNS được hưởng các chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp phù hợp với Luật lao động. Ngoài ra, tùy thuộc vào từng vị trí, chức danh sẽ được hỗ trợ các phụ cấp khác như: phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp điện thoại, tiền ăn, chứng chỉ hành nghề ...

- **Chế độ phúc lợi**

Ngoài các chế độ thực hiện theo chính sách do Nhà Nước quy định, Công ty còn có những chính sách phúc lợi riêng nhằm quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên như: tổ chức sinh nhật cho nhân viên hàng tháng, phúc lợi lễ tết, ốm đau, hiếu hỉ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Không phát sinh.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	855,370	884,229	3.37
Doanh thu thuần	241,825	191,525	(20.80)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	91,141	(76,573)	(184.02)
Lợi nhuận khác	0	14	100
Lợi nhuận trước thuế	91,141	(76,559)	(184.00)
Lợi nhuận sau thuế	73,154	(74,276)	(201.53)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	4.20	3.01	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	4.20	3.01	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.319	0.420	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.467	0.724	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.283	0.217	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.303	(0.388)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.125	(0.145)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.086	(0.084)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.377	(0.400)	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Thông tin cổ phần tại ngày 31/12/2022

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:
  - Số lượng : 46,310,000 cổ phần
  - Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:
  - Cổ phần tự do chuyển nhượng : 45,900,000 cổ phần
  - Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 410,000 cổ phần (cổ phần phát hành cho cán bộ nhân viên công ty)

### b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Trong nước	26,542,783	57.32%
1	Cá nhân	26,502,783	57.23%
a/	Cổ đông lớn	23,895,800	51.60%
b/	Cổ đông khác	2,606,983	5.63%
2	Tổ chức	40,000	0.09%
II	Nước ngoài	19,767,217	42.68%
1	Cá nhân	-	-
2	Tổ chức	19,767,217	42.68%
Tổng cộng:		46,310,000	100%

### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 19/01/2022, FNS hoàn thành việc Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động theo công văn số 372/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cụ thể như sau:

- Số lượng được phân phối : 410,000 cổ phiếu.
- Loại cổ phần : Hạn chế chuyển nhượng 02 năm.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Không phát sinh.

e. **Các chứng khoán khác**

Không phát sinh.

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

a. **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

FNS luôn thực hiện tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, hoạt động hướng tới văn phòng “xanh” được công ty chú trọng bằng cách tạo những khoảng xanh trong văn phòng, bàn làm việc, thực hiện lưu trữ bằng văn bản điện tử hạn chế việc sử dụng giấy và mực in, ...thông qua đó từng thành viên của FNS ngày càng gắn kết và hướng tới sự phát triển chung của công ty.

b. **Chính sách liên quan đến người lao động**

- FNS là nơi đã và đang tạo dựng được nguồn nhân lực chất lượng, có chuyên môn được đào tạo bài bản theo đúng chuyên ngành.
- Cùng với việc phát triển nguồn nhân lực, FNS cũng tập trung phát triển chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh với thị trường, thể hiện đúng mức độ đóng góp của nhân viên vào hoạt động phát triển chung của công ty.
- Công ty luôn kêu gọi nhân viên đảm bảo an toàn và tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

#### 1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2022 thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã có diễn biến xấu khi VN-Index giảm từ vùng 1530 điểm đầu năm về vùng trên 1000 điểm vào cuối năm, FNS mặc dù đã tích cực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh môi giới và mảng giao dịch ký quỹ với tinh thần hiệu quả và giữ an toàn vốn, tổng doanh thu vẫn giảm về 191.5 tỷ giảm 20.8% so với năm 2021, trong đó hoạt động tự doanh giảm mạnh về 58.9 tỷ (giảm 55.7%), doanh thu phí môi giới giảm về 53.98 tỷ (giảm 12.1%) và lãi từ các khoản cho vay và khoản phải thu tăng mạnh lên 54.4 tỷ (tăng 45.8%). Trong khi tổng chi phí hoạt động cả công ty tăng mạnh lên 268 tỷ đồng (tăng 77.9%); trong đó trọng yếu là lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua Lãi/lỗ (FVTPL) tăng đột biến lên 162.3 tỷ đồng (tương đương tăng 170.1% so với cùng kỳ), làm cho lợi nhuận sau thuế giảm về -74.28 tỷ (trong khi năm trước +73.1 tỷ). Đáng chú ý, lợi nhuận đã thực hiện trước thuế năm 2022 vẫn +50.6 tỷ, trong khi lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế đang lỗ 127.2 tỷ, hoạt động tự doanh là nguyên nhân chính dẫn đến tình hình kinh doanh 2022 của FNS bị lỗ 76.56 tỷ lợi nhuận trước thuế và lỗ 74.28 tỷ lợi nhuận sau thuế.

Trong năm 2022, Ban Tổng giám đốc đã cố gắng duy trì các chính sách cho hoạt động môi giới nhằm tăng trưởng dư nợ giao dịch ký quỹ một cách an toàn và phát triển phí giao dịch ổn định trong tình hình thị trường xấu, rà soát và tập trung siết mạnh danh mục giao dịch ký quỹ cổ phiếu không an toàn, duy trì các gói dư nợ giao dịch ký quỹ với lãi suất cạnh tranh và ưu tiên nhóm cổ phiếu tốt (VN30, cổ phiếu ngân hàng và đầu

ngành), xây dựng và duy trì đội ngũ môi giới FNS theo hướng tinh gọn và năng suất làm việc cao, chuẩn bị các kịch bản thị trường theo 2 hướng tốt/xấu để thay đổi chính sách giao dịch ký quỹ và có tư vấn đầu tư phù hợp với TTCK từng thời kỳ. Sắp xếp lại nhân sự cho phòng Tự doanh, xây dựng lại được cơ chế hoạt động của tự doanh theo hướng an toàn và hiệu quả cả khi TTCK giảm mạnh (ưu tiên chiến lược phòng thủ: tranh thủ giảm hàng khi TT có cú hồi mạnh, có điểm chốt lỗ dứt khoát khi danh mục bị giảm ra ngoài vùng dự báo). Kiện toàn và duy trì đội ngũ IB FNS tại Hội Sở cũng như các chi nhánh, chiến lược IB FNS đang thiên về tư vấn niêm yết, tư vấn hồ sơ cho doanh nghiệp tăng vốn, thoái vốn, phát hành trái phiếu, tổ chức đại hội cổ đông... song song với tìm kiếm, đã và đang mở rộng mảng IB theo hướng M&A.

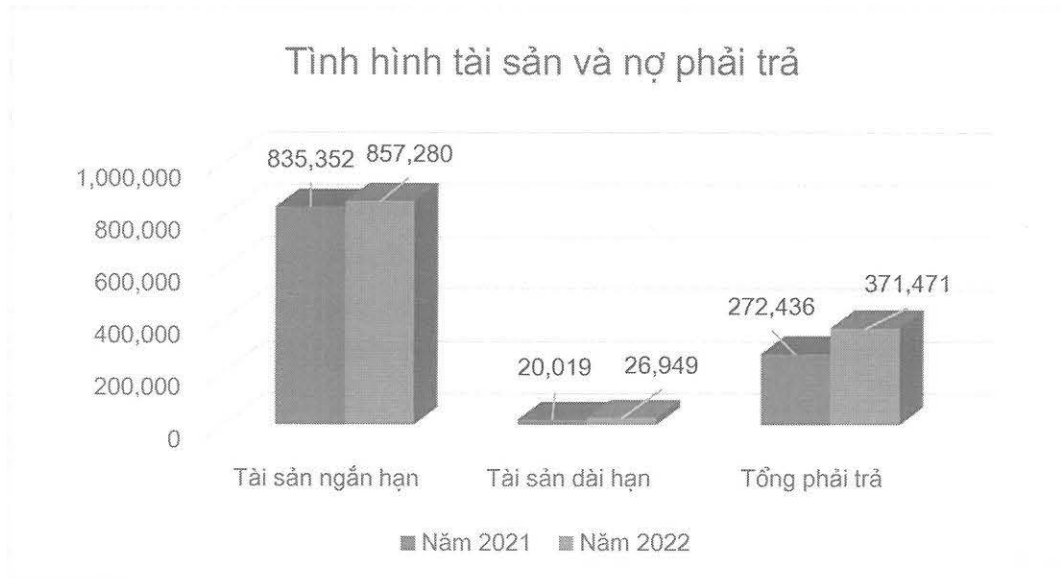
Công ty tiếp tục củng cố và nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống IT và sản phẩm dịch vụ môi giới hiện tại nhằm phát hiện và khắc phục các lỗ hổng hiện tại cũng như theo kịp với sự phát triển về hệ thống và sản phẩm dịch vụ môi giới của thị trường chung.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản, nợ phải trả

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>855,370</b>	<b>884,229</b>
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>835,352</b>	<b>857,280</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	131,508	141,874
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	155,343	225,302
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	547,511	488,789
4	Tài sản ngắn hạn khác	989	1,315
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>20,019</b>	<b>26,949</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	11,553	15,272
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8,337	11,549
5	Tài sản dài hạn khác	128	128
	<b>Tổng phải trả</b>	<b>272,436</b>	<b>371,471</b>
1	Nợ ngắn hạn	199,035	284,922
2	Nợ dài hạn	73,402	86,549



Tổng tài sản công ty cuối năm 2022 tăng nhẹ 3.37% lên 884.2 tỷ đồng, trong đó tăng mạnh các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn lên 225.3 tỷ đồng (+45%), tiền và các khoản tương đương tiền tăng nhẹ lên 141.8 tỷ đồng (7.88%), giảm các khoản phải thu ngắn hạn về 488.8 tỷ (-10,7%) và tài sản dài hạn tăng lên 26.9 tỷ đồng. Tổng phải trả của công ty năm 2022 tăng mạnh lên 371.5 tỷ (+36.4%), trong đó nợ ngắn hạn tăng mạnh lên 284.9 tỷ (+43.2%) và nợ dài hạn tăng lên 86.5 tỷ đồng (+17.9%).

### 3. Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

#### a. Cơ cấu tổ chức:

Trong năm 2022, với cơ cấu tổ chức gồm 03 mảng Kinh doanh - Vận hành - Giám sát, FNS đã phát triển ổn định, phù hợp với định hướng hoạt động và có được sự chuẩn bị nền tảng tốt nhất cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

#### b. Chính sách quản lý:

Tăng cường hoạt động quản trị, tập trung cập nhật, điều chỉnh và bổ sung các quy định, quy trình nghiệp vụ nhằm đảm bảo các hoạt động của FNS phải đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Phát huy vai trò của quản trị rủi ro trong việc quản lý hạn mức rủi ro áp dụng trên phạm vi toàn Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với tầm nhìn, nâng cao chất lượng dịch vụ, ổn định, phát triển Công ty bền vững và khẳng định thương hiệu Funan trên thị trường chứng khoán. Năm 2023 Công ty sẽ tập trung các trọng tâm sau:

#### - Tăng cường nhân lực kinh doanh

Củng cố và kiện toàn đội ngũ nhân sự môi giới chất lượng cao về tư vấn đầu tư và phát triển khách hàng để tăng khả năng chăm sóc khách hàng, phát triển khách hàng tổ chức và cá nhân cả trong và ngoài nước.

Tìm kiếm và thu hút nhân sự giỏi, có kinh nghiệm cho hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư, tư vấn doanh nghiệp. Đặc biệt, có khả năng viết và nói tiếng Anh tốt để phát triển đội kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp và mở rộng ra khách hàng quốc tế cả mảng kinh doanh môi giới và IB.



Tăng cường đào tạo, huấn luyện về khả năng phát triển khách hàng, khả năng phân tích, tư vấn đầu tư và khả năng chăm sóc quy mô lớn khách hàng nhưng vẫn hiệu quả.

Xây dựng và áp dụng cơ chế lương, hoa hồng phù hợp thực tế và hiệu quả với từng đơn vị kinh doanh tại FNS. Xây dựng được đội ngũ hợp tác kinh doanh rộng và mạnh đồng bộ trên từng đơn vị kinh doanh nhằm đẩy nhanh quy mô khách hàng và doanh số.

Đào tạo văn hóa nội bộ công ty để tạo sự đoàn kết, hợp tác và đồng thuận cao trong hệ thống khi triển khai các dự án kinh doanh mới.

- **Cải tiến sản phẩm dịch vụ**

Hoàn thiện sản phẩm dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán theo quy định và đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 380/QĐ-UBCK ngày 21/6/2022.

Khảo sát ý kiến khách hàng và Môi giới về hệ thống giao dịch trực tuyến, mở rộng tiện ích trên các phương tiện giao dịch điện tử, đặc biệt là Mobitrade nhằm nâng cấp hệ thống để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Nghiên cứu và không ngừng nâng cấp, tự động hoá các khâu sản phẩm dịch vụ môi giới còn phải làm thủ công và khách hàng ký giấy tờ nhiều nhằm cải thiện chất lượng chăm sóc khách hàng và tăng quy mô chăm sóc khách hàng được nhiều hơn dựa trên nền tảng phát triển công nghệ nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định nhằm hạn chế rủi ro cho công ty.

Nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh một cách thường xuyên và kịp thời để nâng cấp, phát triển các sản phẩm dịch vụ Môi giới mới hiệu quả, cạnh tranh và chuyên nghiệp.

Đẩy mạnh hoạt động thu xếp vốn và bảo lãnh phát hành, tư vấn cổ phần hóa, niêm yết cho doanh nghiệp trong hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp. Định hướng để IB phát triển được mảng M&A với đối tác chiến lược nước ngoài là mục tiêu mới trong 3 năm tới.

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trên thị trường niêm yết và chưa niêm yết, đảm bảo hoạt động đầu tư an toàn hiệu quả, xây dựng danh mục đầu tư phù hợp tình hình thị trường cả cho danh mục ngắn hạn và dài hạn của phòng Tự doanh.

a. **Kế hoạch kinh doanh 2023**

Công ty đề ra mục tiêu doanh thu năm 2023 là: 161 tỷ đồng, chi phí ở mức 122 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là đạt xấp xỉ 39 tỷ đồng.

b. **Kế hoạch hoạt động 2023**

- **Hoạt động môi giới**

- Xây dựng chính sách phát triển khách hàng thông qua các kênh cộng tác viên kết nối và khai thác hệ thống khách hàng dựa trên hệ thống giao dịch trực tuyến, online và tự động hoá dần các sản phẩm dịch vụ môi giới của FNS hiện có (mở tài khoản online, xác nhận lệnh online, thay đổi thông tin khách hàng và lưu ký cổ phiếu online,...).
- Xây cơ chế, chính sách kinh doanh mới để mở rộng thêm được các phòng giao dịch lưu động mới, chi nhánh mới tại các tỉnh và thành phố tiềm năng cho công ty.



- Tiếp tục bổ sung đội ngũ nhân viên chất lượng, xây dựng chính sách nhân sự tốt nhằm thu hút và giữ được nhân sự có năng lực giỏi về và hợp tác lâu dài cùng với Công ty.
- Tăng cường huấn luyện về kỹ năng phân tích, tư vấn tài chính, đầu tư, phát triển và chăm sóc khách hàng được chuyên nghiệp, hiệu quả và thân thiện.
- Hoạt động dịch vụ và phát triển sản phẩm
  - Xây dựng các tiêu chí đánh giá phân hạng khách hàng mới, đưa ra các gói sản phẩm tài chính phù hợp, tăng hiệu quả kinh doanh nhưng đảm bảo an toàn cho danh mục margin.
  - Xây dựng mới được cơ chế huy động nguồn vốn vay hiệu quả, chuẩn bị các kênh ngân hàng gửi tiết kiệm và thấu chi có lãi suất cạnh tranh, xây dựng được cơ chế bán vốn nội bộ cho FNS.
  - Hoàn thiện hệ thống sản phẩm theo các phân khúc khách hàng, đào tạo nội bộ đội ngũ môi giới có đầy đủ kiến thức, am hiểu sản phẩm dịch vụ FNS để hỗ trợ tư vấn tốt khách hàng.
  - Xây dựng các báo cáo song ngữ để phục vụ đối tượng khách hàng nước ngoài và từng bước tiếp cận các chuẩn mực báo cáo cho các định chế tài chính quốc tế.
  - Xây dựng phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu và tạo các điều kiện thuận lợi nhất nhằm đem lại tiện ích tốt nhất cho khách hàng khi về FNS giao dịch.
- Hoạt động đầu tư tự doanh
  - Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư để thực hiện đầu tư trên thị trường niêm yết và chưa niêm yết. Nhạy bén với tình hình thị trường để phân bổ danh mục đầu tư ngắn hạn, dài hạn phù hợp và hiệu quả trong từng thời kỳ nhằm hạn chế rủi ro, mang về lợi nhuận tối ưu cho công ty.
  - Linh hoạt, dứt khoát và rõ hướng hành động với tình hình thị trường để phân bổ danh mục đầu tư ngắn hạn, dài hạn phù hợp và hiệu quả trong từng thời kỳ biến động của thị trường nhằm hạn chế rủi ro và mang về lợi nhuận tối ưu cho công ty.
  - Tất cả các khoản đầu tư phải đảm bảo yếu tố an toàn về vốn cho Công ty và cổ đông.
- Hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp
  - Đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính phù hợp với xu hướng thị trường và chiến lược phát triển Công ty đặt trọng tâm như: Tư vấn tăng vốn, Tư vấn phát hành trái phiếu, cổ phiếu, Tư vấn mua bán – sáp nhập doanh nghiệp, Tư vấn huy động vốn và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước, Tư vấn IPO và niêm yết...
  - Định hướng phát triển Tư vấn tài chính doanh nghiệp theo chiến lược tư vấn thu xếp, mua bán – sáp nhập doanh nghiệp (M&A) cho đối tác mang yếu tố nước ngoài, đẩy mạnh và tạo lợi thế riêng cho FNS phát triển dài hạn theo chiến lược này.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty  
Không phát sinh

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong công tác quản trị, điều hành Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã có những định hướng hoạt động và hỗ trợ kịp thời cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm HĐQT thường xuyên có những cuộc họp kịp thời để giải quyết các công việc theo thẩm quyền của HĐQT.

- Trong công tác quản lý, luôn chú trọng và tuân thủ Pháp luật, HĐQT đã nhanh chóng sửa đổi, bổ sung các Quy chế, chính sách quan trọng của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
  - Trong công tác giám sát, HĐQT cũng phối hợp chặt chẽ cùng với Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả, hạn chế rủi ro, thúc đẩy sự chuyên nghiệp và thực thi nhanh, đảm bảo tuân thủ các quy định và an toàn cho Công ty.
2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**
- Ban Tổng Giám Đốc FNS đã có những phản ánh, kiến nghị phù hợp với tình hình thực tế của thị trường nhằm đưa ra những khuyến nghị giúp HĐQT điều chỉnh kịp thời các chính sách, phương hướng phát triển của FNS.
  - Triển khai, thực hiện tốt và hiệu quả các quyết định, phương án kinh doanh của HĐQT.
  - Theo đánh giá của HĐQT, nhìn chung Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**
- HĐQT vẫn tiếp tục mục tiêu phát triển Công ty bền vững, từng bước đưa Công ty vào Top các Công ty hàng đầu Việt Nam và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện trong năm 2023 khoảng 39 tỷ đồng. Để làm được điều đó, Công ty sẽ tập trung các trọng tâm sau:
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn.
  - Nâng cao công tác quản trị cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua việc nâng cao năng lực và vai trò của các thành viên HĐQT.
  - Tập trung vào các yếu tố nền tảng để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng, cải thiện hệ thống quản trị công ty, quản trị rủi ro và tuân thủ, nâng cao năng lực “chất xám công nghệ” trong các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
  - Xây dựng ổn định và chuyên nghiệp nhân sự trong nội bộ.
- Tổ chức đào tạo kiến thức và kỹ năng mềm cho cán bộ nhân viên kinh doanh cũng như tạo mọi điều kiện thuận lợi để toàn thể cán bộ công nhân viên học hỏi, nâng cao kiến thức từ đó tạo sự tin cậy cho khách hàng, lượng khách hàng đến và giao dịch tại Công ty ngày càng được tăng cao, doanh số từ đó cũng được phát triển.
- Phát triển thị trường, mở rộng thị phần, gia tăng số lượng khách hàng giao dịch thường xuyên với phân khúc thị trường là khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, khách hàng ký quỹ nhỏ lẻ, đặc biệt với ưu thế là công ty có vốn đầu tư nước ngoài, quan hệ tốt với các thị trường trên thế giới: Úc, Singapore, Đài Loan từ đó có thể đẩy mạnh phân khúc khách hàng cá nhân, tổ chức nước ngoài tại các thị trường này.
  - Đẩy mạnh hiệu quả trong công tác giao dịch, quản lý danh mục tự doanh ngắn và dài hạn.
  - Đẩy mạnh việc nâng cao thương hiệu Công ty thông qua quảng cáo, tổ chức sự kiện và tài trợ.
  - Gia tăng sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường: nâng cao tính chuyên nghiệp của Cán bộ nhân viên, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản trị nội bộ, chiến lược kinh doanh từng thời kỳ.
  - Gia tăng khả năng sử dụng các đòn bẩy tài chính nhằm tạo ra những lợi thế để thực hiện các chính sách và chiến lược kinh doanh của công ty.
  - Ổn định và đẩy mạnh việc phát triển hoạt động của các Chi nhánh.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. Hội đồng Quản trị

## a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ, tên và chức danh	Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2022	
		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>I. Thành viên HĐQT điều hành</b>			
1.	Bà Dương Thị Minh Thảo - Chủ tịch HĐQT	100,000	0.22%
<b>II. Thành viên HĐQT không điều hành</b>			
1	Ông Bellman Ronald David Windevere - Thành viên HĐQT	-	-
2	Bà Hoàng Thị Thùy - Thành viên HĐQT	3,200,000	6.91%
3	Ông Donato Anthony Michael - Thành viên HĐQT	-	-
4	Ông Boon Xin Nan, Tyrone - Thành viên HĐQT	-	-

## b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Không

## c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

STT	Họ, tên và chức danh	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Bà Dương Thị Minh Thảo Chủ tịch HĐQT	08	100%
2	Ông Bellman Ronald David Windevere Thành viên HĐQT	08	100%
3	Bà Hoàng Thị Thùy Thành viên HĐQT	08	100%
4	Ông Donato Anthony Michael Thành viên HĐQT	01	12.5%
5	Ông Boon Xin Nan, Tyrone Thành viên HĐQT	01	12.5%

## d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Không

## e. Danh sách các thành viên Hoạt động của Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không

## 2. Ban Kiểm soát

## a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm Soát

STT	Họ, tên và chức danh	Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2022	
		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hà Trung Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Thảo Lưu Thành viên Ban kiểm soát	4,611,800	9.96%
3	Bà Phạm Thị Thùy Trâm Thành viên Ban kiểm soát	-	-

**b. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

STT	Họ, tên và chức danh	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Hà Trung (*) Trưởng Ban kiểm soát	01	50%
2	Bà Nguyễn Thị Thảo Lưu Thành viên Ban kiểm soát	02	100%
3	Bà Phạm Thị Thùy Trâm Thành viên Ban kiểm soát	02	100%

(\*) Ông Nguyễn Hà Trung đã nộp đơn từ nhiệm từ ngày 15/8/2023.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán**
**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2022 là: 3,417,168,130 đ (*Ba tỷ bốn trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi tám ngàn một trăm ba mươi đồng*).

**b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không phát sinh.**
**c. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ:**

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Merit Group Australia PTY Ltd.	Doanh nghiệp có lợi ích liên quan với Người nội bộ- Thành viên HĐQT (ông Xu Chun)	22/02/2022	Nghị quyết HĐQT số 02/2022/FNS-NQ.HĐQT ngày 18/02/2022	- Nội dung: Vay tiền - Giá trị: tối đa 5.000.000 Đô la Úc.

*Ghi chú:* Thời điểm giao dịch ghi nhận theo ngày ký hợp đồng giữa 2 bên.

**d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không phát sinh.**
**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022**

Năm 2022, Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

### 1. Ý kiến kiểm toán

Nội dung ý kiến kiểm toán:

*"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính".*

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết đính kèm theo Báo cáo thường niên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT 



DƯƠNG THỊ MINH THẢO

# **Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh báo cáo tài chính	17 - 53



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

### **Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**

#### *Quy mô vốn*

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 463.100.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 512.758.190.112 VND và tổng tài sản là 884.228.824.948 VND.

#### *Mục tiêu đầu tư*

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

#### *Hạn chế đầu tư*

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Bà Dương Thị Minh Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2019
Ông Bellman Ronald David Windevere	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020
Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020
Ông Boon Xin Nan, Tyrone	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022
Ông Donato Anthony Michael	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022
Ông Xu Chun	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022
Ông Xu Zhi Wei	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hà Trung (*)	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thảo Lựu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thị Thùy Trâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2021

(\*) Ông Nguyễn Hà Trung đã nộp đơn xin từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2022 và đang đợi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Đình Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Dương Thị Minh Thảo, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Đình Khánh - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 05/2020/QĐUQ-CT.HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 5 năm 2020.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

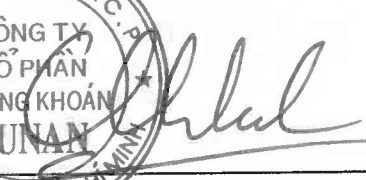
Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Đình Khánh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61434403/22988048

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan (“Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samah Wijaya Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1

Huỳnh Nhật Hưng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>857.280.213.373</b>	<b>835.351.852.229</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>855.965.115.022</b>	<b>834.362.751.648</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	141.874.088.447	131.507.892.477
111.1	1.1 Tiền		136.874.088.447	131.507.892.477
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	80.302.257.380	155.343.457.840
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	145.000.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	7.3	480.962.766.989	527.953.540.104
117	5. Các khoản phải thu	8	4.581.138.346	15.431.388.300
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		663.300.000	15.431.050.000
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		3.917.838.346	338.300
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.917.838.346	338.300
118	6. Trả trước cho người bán	8	2.766.461.370	2.698.440.000
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	2.570.570.659	1.776.672.479
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(2.092.168.169)	(348.639.552)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.315.098.351</b>	<b>989.100.581</b>
131	1. Tạm ứng		14.200.000	10.200.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.300.830.878	962.565.000
137	3. Tài sản ngắn hạn khác		67.473	16.335.581
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>26.948.611.575</b>	<b>20.018.515.118</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>15.271.573.472</b>	<b>11.553.368.812</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.699.435.008	6.830.199.637
222	1.1 Nguyên giá		19.297.447.263	18.241.208.563
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(12.598.012.255)	(11.411.008.926)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.572.138.464	4.723.169.175
228	2.1 Nguyên giá		26.137.448.007	21.299.618.919
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(17.565.309.543)	(16.576.449.744)
<b>240</b>	<b>II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>128.000.000</b>	<b>128.000.000</b>
<b>250</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.549.038.103</b>	<b>8.337.146.306</b>
251	1. Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	1.533.105.880	1.533.105.880
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.109.970.278	401.562.923
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	8.905.961.945	6.402.477.503
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>884.228.824.948</b>	<b>855.370.367.347</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>371.470.634.836</b>	<b>272.436.209.824</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>284.921.634.836</b>	<b>199.034.538.684</b>
311	1. Vay ngắn hạn	19	270.477.000.000	119.370.017.326
312	1.1 Vay ngắn hạn		270.477.000.000	119.370.017.326
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	6.641.519.891	52.962.729.913
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	35.621.882	5.284.735.929
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		66.100.000	55.100.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	3.513.479.908	7.833.272.177
323	6. Phải trả người lao động		253.276.454	5.220.233.650
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		68.046.030	73.422.580
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.500.130.594	1.538.186.306
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	1.171.782.520	6.502.163.246
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		194.677.557	194.677.557
<b>340</b>	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>86.549.000.000</b>	<b>73.401.671.140</b>
341	1. Vay dài hạn	19	86.549.000.000	61.100.000.000
342	1.1 Vay dài hạn		86.549.000.000	61.100.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	-	12.301.671.140
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>512.758.190.112</b>	<b>582.934.157.523</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>512.758.190.112</b>	<b>582.934.157.523</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.1	463.100.000.000	459.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		463.100.000.000	459.000.000.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		463.100.000.000	459.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.105.496.556	5.105.496.556
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.105.496.556	5.105.496.556
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	20.2	39.447.197.000	113.723.164.411
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		105.128.933.161	64.516.479.848
417.2	4.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(65.681.736.161)	49.206.684.563
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>884.228.824.948</b>	<b>855.370.367.347</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		4.972.865.605	4.972.865.605
005	2. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)			
	AUD		200,60	512.595,93
	USD		155,70	100
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	20.1	46.310.000	45.900.000
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK	21.1	80.725.830.000	57.292.940.000
	4.1 Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		80.591.830.000	48.962.940.000
	4.2 Tài sản tài chính chờ thanh toán		134.000.000	8.330.000.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	21.2	-	1.400.000.000
	5.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		-	1.400.000.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	21.3	-	980.000.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	21.4	560.000	560.000
013	8. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	21.5	40.000	5.617.970.000

(\*) Số dư tài khoản này thể hiện số lượng cổ phiếu

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21.6	5.643.351.100.000	5.412.669.450.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		2.171.450.290.000	1.893.695.390.000
021.2	b. Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		6.880.550.000	813.690.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố		1.570.551.220.000	1.570.551.220.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.874.152.150.000	1.874.152.150.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		20.316.890.000	73.457.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	21.7	71.134.400.000	20.895.900.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		5.096.400.000	20.895.900.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		66.038.000.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	21.8	24.717.640.000	51.422.000.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	21.9	1.092.120.000	12.310.950.000

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)</b>			
026	5. Tiền gửi của Nhà đầu tư	21.10	125.681.055.876	303.177.954.672
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		71.556.378.393	79.497.554.455
028	5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		54.124.677.483	223.677.417.292
030	5.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		-	2.982.925
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21.11	125.681.055.876	303.174.971.747
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		125.597.652.411	300.923.737.955
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		83.403.465	2.251.233.792
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	2.982.925

Bà Tô Thị Ngọc Hà  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Đình Khánh  
Trưởng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		58.886.824.304	133.062.907.476
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	26.136.751.505	43.063.238.959
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	31.832.994.103	89.157.410.629
01.3	1.3 Cổ tức phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.3	917.078.696	842.257.888
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	22.3	3.854.575.346	459.890.411
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.3	54.487.358.024	37.378.328.609
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	53.985.005.271	61.447.396.235
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23	1.857.467.736	3.794.427.600
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23	700.250.000	872.477.273
11	7. Thu nhập hoạt động khác	23	63.934.000	40.488.000
<b>20</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>173.835.414.681</b>	<b>237.055.915.604</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(162.388.058.416)	(59.952.365.289)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	(3.294.064.656)	(2.344.876.673)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	(159.023.085.967)	(57.518.178.607)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(70.907.793)	(89.310.009)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	(1.743.528.617)	(156.204.319)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	25	(1.213.769.675)	(1.519.154.382)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26	(38.667.826.876)	(39.281.419.470)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	27	(2.102.729.798)	(2.290.359.629)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	(478.784.960)	(1.720.177.274)
<b>40</b>	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>(206.594.698.342)</b>	<b>(104.919.680.363)</b>
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
41	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	29	16.995.528.063	3.889.429.662
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	29	680.337.189	879.880.722
<b>50</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>17.675.865.252</b>	<b>4.769.310.384</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
51	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	30	(10.344.585.388)	(4.247.061.736)
52	2. Chi phí lãi vay	30	(18.905.134.756)	(8.135.413.865)
<b>60</b>	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>(29.249.720.144)</b>	<b>(12.382.475.601)</b>
<b>62</b>	<b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>31</b>	<b>(32.239.481.141)</b>	<b>(33.382.296.086)</b>
<b>70</b>	<b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(76.572.619.694)</b>	<b>91.140.773.938</b>
	<b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	1. Thu nhập khác		13.750.000	-
72	2. Chi phí khác		-	-
<b>80</b>	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>13.750.000</b>	<b>-</b>
<b>90</b>	<b>VIII. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>(76.558.869.694)</b>	<b>91.140.773.938</b>
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		50.631.222.170	59.501.541.916
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(127.190.091.864)	31.639.232.022
<b>100</b>	<b>IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)</b>	<b>32</b>	<b>2.282.902.283</b>	<b>(17.986.555.339)</b>
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(10.018.768.857)	(11.658.708.935)
100.2	2. Thu nhập/(Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	32.2	12.301.671.140	(6.327.846.404)
<b>200</b>	<b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>(74.275.967.411)</b>	<b>73.154.218.599</b>
<b>400</b>	<b>TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN</b>		<b>(74.275.967.411)</b>	<b>73.154.218.599</b>
<b>500</b>	<b>XI. (LỖ)/THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>		<b>(1.604)</b>	<b>2.133</b>
501	1. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	33	(1.604)	2.133
502	2. (Lỗ)/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	33	(1.604)	2.133

Bà Tô Thị Ngọc Hà  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Đình Khánh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(413.183.547.985)	(402.689.124.929)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		248.360.363.430	445.108.747.889
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(2.146.855.828)	(277.469.534)
04	4. Cổ tức đã nhận		700.153.996	890.151.153
05	5. Tiền lãi đã thu		154.000.000	704.000.000
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(17.636.795.015)	(6.836.071.783)
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(72.403.182.387)	(58.568.248.226)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(18.113.078.659)	(17.464.053.714)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	18	(43.115.614.587)	(69.472.152.545)
11	10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.334.454.408.134	3.566.257.349.390
12	11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.185.911.939.141)	(3.694.605.493.127)
<b>20</b>	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(168.842.088.042)</b>	<b>(236.952.365.426)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(5.894.067.788)	-
<b>30</b>	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.894.067.788)</b>	<b>-</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	(*)	855.000.000	119.000.000.000
33	2. Tiền vay gốc		915.168.850.000	528.780.476.996
	2.1 Tiền vay khác	19	915.168.850.000	528.780.476.996
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(730.921.498.200)	(357.837.911.914)
	3.1 Tiền vay khác	19	(730.921.498.200)	(357.837.911.914)
<b>40</b>	<b>Tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>185.102.351.800</b>	<b>289.942.565.082</b>
<b>50</b>	<b>TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>10.366.195.970</b>	<b>52.990.199.656</b>
<b>60</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>5</b>	<b>131.507.892.477</b>	<b>78.517.692.821</b>
61	1. Tiền		131.507.892.477	78.517.692.821
62	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>70</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>5</b>	<b>141.874.088.447</b>	<b>131.507.892.477</b>
71	1. Tiền		136.874.088.447	131.507.892.477
72	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-

(\*) Trong năm, Công ty đã phát hành 410.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 02/2021/NQ.ĐHĐCĐ-FNS ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Tổng số tiền mua cổ phiếu đã được nộp đầy đủ vào ngày kết thúc đợt phát hành vào ngày 7 tháng 1 năm 2022. Trong đó, số tiền đã thu từ phát hành cổ phiếu trong kỳ trước là 3.245.000.000 đồng.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

## PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		21.385.051.780.680	27.068.648.329.600
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(21.065.695.192.250)	(20.879.630.255.500)
08	3. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(496.133.803.391)	(5.964.115.133.412)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(716.700.910)	(2.822.178.791)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		40.506.562.460	39.082.924.641
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(40.509.545.385)	(39.085.024.216)
<b>20</b>	<b>(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(177.496.898.796)</b>	<b>222.078.662.322</b>
<b>30</b>	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>21.10</b>	<b>303.177.954.672</b>	<b>81.099.292.350</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		303.177.954.672	81.099.292.350
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		79.497.554.455	36.750.671.243
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		223.677.417.292	44.343.538.607
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.982.925	5.082.500
<b>40</b>	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>21.10</b>	<b>125.681.055.876</b>	<b>303.177.954.672</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		125.681.055.876	303.177.954.672
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		71.556.378.393	79.497.554.455
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		54.124.677.483	223.677.417.292
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	2.982.925

Bà Tô Thị Ngọc Hà  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Sinh Khánh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
<b>I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		340.000.000.000	459.000.000.000	119.000.000.000	-	4.100.000.000	-	459.000.000.000	463.100.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông	20.1	340.000.000.000	459.000.000.000	119.000.000.000	-	4.100.000.000	-	459.000.000.000	463.100.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20.1	2.713.354.907	5.105.496.556	2.392.141.649	-	-	-	5.105.496.556	5.105.496.556
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20.1	2.713.354.907	5.105.496.556	2.392.141.649	-	-	-	5.105.496.556	5.105.496.556
4. Lợi nhuận chưa phân phối	20.2	45.353.229.110	113.723.164.411	68.369.935.301	-	40.612.453.313	(114.888.420.724)	113.723.164.411	39.447.197.000
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế đã thực hiện		21.457.930.165	64.516.479.848	43.058.549.683	-	40.612.453.313	-	64.516.479.848	105.128.933.161
- Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		23.895.298.945	49.206.684.563	25.311.385.618	-	-	(114.888.420.724)	49.206.684.563	(65.681.736.161)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>390.779.938.924</b>	<b>582.934.157.523</b>	<b>192.154.218.599</b>	<b>-</b>	<b>44.712.453.313</b>	<b>(114.888.420.724)</b>	<b>582.934.157.523</b>	<b>512.758.190.112</b>

Bà Tô Thị Ngọc Hà  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Đình Khánh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 65 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 68 người).

### ***Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty***

#### *Quy mô vốn*

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 463.100.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 512.758.190.112 VND và tổng tài sản là 884.228.824.948 VND.

#### *Mục tiêu đầu tư*

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

#### *Hạn chế đầu tư*

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

### **Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)**

#### *Hạn chế đầu tư (tiếp theo)*

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

### 2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

*Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114").*

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu như sau:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

### 4.3 *Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)*

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
  - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".





## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

### 4.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

### 4.8 *Phân loại lại tài sản tài chính*

#### *Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

#### *Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" thuộc Vốn chủ sở hữu.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.12 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	3 -15 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

### 4.13 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.14 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

### 4.15 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

### 4.16 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.17 Lợi ích của nhân viên

#### 4.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5 % (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 17%) lương cơ bản, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

#### 4.17.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

### 4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

### 4.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### *Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

### 4.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

### 4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.21 *Thuế thu nhập doanh nghiệp* (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 4.22 *Vốn chủ sở hữu*

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

### 4.23 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 4.24 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.25 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

## 5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	136.874.088.447	131.507.892.477
- Bằng VND	136.867.286.833	123.144.672.263
- Bằng AUD	3.158.848	8.360.952.214
- Bằng USD	3.642.766	2.268.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	5.000.000.000	-
	<b>141.874.088.447</b>	<b>131.507.892.477</b>

## 6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (Đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (Đơn vị)	Giá trị (VND)
<b>a. Của Công ty</b>				
- Cổ phiếu	15.340.436	496.491.431.415	23.992.216	841.738.955.896
- Trái phiếu	15.340.436	496.491.431.415	22.780.816	719.069.963.429
- Chứng chỉ quỹ	-	-	1.201.400	122.632.342.467
- Chứng chỉ quỹ	-	-	10.000	36.650.000
<b>b. Của nhà đầu tư</b>				
- Cổ phiếu	1.042.015.656	41.912.491.234.965	1.324.863.843	48.457.298.361.229
- Chứng chỉ quỹ	1.033.005.756	41.907.879.720.965	1.322.480.243	48.438.486.350.229
- Chứng chỉ quỹ	119.000	2.725.725.000	587.100	12.431.224.000
- Chứng quyền	8.890.900	1.885.789.000	1.796.500	6.380.787.000
	<b>1.057.356.092</b>	<b>42.408.982.666.380</b>	<b>1.348.856.059</b>	<b>49.299.037.317.125</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### 7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>99.744.592.356</b>	<b>47.304.077.560</b>	<b>69.793.713.292</b>	<b>84.374.126.440</b>
HPG	23.466.103.318	11.148.660.000	17.359.595.488	15.776.649.600
TCB	20.024.511.667	10.340.000.000	-	-
FLC (*)	10.243.824.827	2.856.260.610	681.589	1.314.000
DGW	6.263.500.000	2.718.000.000	-	-
TPB	5.729.060.337	2.949.568.100	628.425	1.108.350
PVD	4.975.092.895	3.300.411.450	113.295	266.850
DGC	4.298.176.954	2.271.831.900	3.227.040	5.756.400
HUT	3.896.875.249	1.337.074.800	204.120	582.400
MBB	3.624.037.338	2.265.117.300	13.306.736	14.854.600
VNM	2.831.088.760	2.474.467.600	14.104.298.136	13.137.811.200
OCB	-	-	10.704.266.632	26.756.702.700
ROS	-	-	3.850.351.437	4.080.843.200
Khác	14.392.321.011	5.642.685.800	23.757.040.394	24.598.237.140
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>44.839.401.185</b>	<b>31.598.179.820</b>	<b>22.641.388.845</b>	<b>69.569.331.400</b>
ROS	16.091.715.575	3.263.155.620	-	-
ABB	27.512.097.610	27.840.000.000	21.398.600.130	68.542.386.000
Khác	1.235.588.000	495.024.200	1.242.788.715	1.026.945.400
<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>
CII-42013	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
	<b>145.983.993.541</b>	<b>80.302.257.380</b>	<b>93.835.102.137</b>	<b>155.343.457.840</b>

(\*) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (mã chứng khoán FLC) bị đình chỉ giao dịch từ ngày 9 tháng 9 năm 2022 và hủy niêm yết bắt buộc từ ngày 20 tháng 2 năm 2023 theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE).

### 7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>	-	-

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng TMCP bằng VND với lãi suất từ 4,20%/năm đến 10,50%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi với giá trị 90 tỷ VND đang được dùng để đảm bảo hạn mức thầu chỉ tại cùng ngân hàng.

### 7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	463.982.414.081	463.982.414.081	343.578.576.026	343.578.576.026
Ứng trước tiền bán chứng khoán	16.980.352.908	16.980.352.908	184.374.964.078	184.374.964.078
	<b>480.962.766.989</b>	<b>480.962.766.989</b>	<b>527.953.540.104</b>	<b>527.953.540.104</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước			
	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
<b>Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</b>								
<b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>								
HPG	23.466.103.318	-	(12.317.443.318)	11.148.660.000	17.359.595.488	-	(1.582.945.888)	15.776.649.600
TCB	20.024.511.667	-	(9.684.511.667)	10.340.000.000	-	-	-	-
FLC (*)	10.243.824.827	-	(7.387.564.217)	2.856.260.610	681.589	632.411	-	1.314.000
DGW	6.263.500.000	-	(3.545.500.000)	2.718.000.000	-	-	-	-
TPB	5.729.060.337	-	(2.779.492.237)	2.949.568.100	628.425	479.925	-	1.108.350
PVD	4.975.092.895	-	(1.674.681.445)	3.300.411.450	113.295	153.555	-	266.850
DGC	4.298.176.954	-	(2.026.345.054)	2.271.831.900	3.227.040	2.529.360	-	5.756.400
HUT	3.896.875.249	-	(2.559.800.449)	1.337.074.800	204.120	378.280	-	582.400
MBB	3.624.037.338	-	(1.358.920.038)	2.265.117.300	13.306.736	1.547.864	-	14.854.600
VNM	2.831.088.760	-	(356.621.160)	2.474.467.600	14.104.298.136	-	(966.486.936)	13.137.811.200
OCB	-	-	-	-	10.704.266.632	16.052.436.068	-	26.756.702.700
ROS	-	-	-	-	3.850.351.437	230.491.763	-	4.080.843.200
Khác	14.392.321.011	72.000	(8.749.707.211)	5.642.685.800	23.757.040.394	1.403.377.530	(562.180.784)	24.598.237.140
	<b>99.744.592.356</b>	<b>72.000</b>	<b>(52.440.586.796)</b>	<b>47.304.077.560</b>	<b>69.793.713.292</b>	<b>17.692.026.756</b>	<b>(3.111.613.608)</b>	<b>84.374.126.440</b>
<b>2. Cổ phiếu chưa niêm yết</b>								
ABB	27.512.097.610	327.902.390	-	27.840.000.000	21.398.600.130	47.143.785.870	-	68.542.386.000
ROS	16.091.715.575	-	(12.828.559.955)	3.263.155.620	-	-	-	-
Khác	1.235.588.000	1.406.200	(741.970.000)	495.024.200	1.242.788.715	4.506.485	(220.349.800)	1.026.945.400
	<b>44.839.401.185</b>	<b>329.308.590</b>	<b>(13.570.529.955)</b>	<b>31.598.179.820</b>	<b>22.641.388.845</b>	<b>47.148.292.355</b>	<b>(220.349.800)</b>	<b>69.569.331.400</b>
<b>3. Trái phiếu doanh nghiệp</b>								
CII-42013	1.400.000.000	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	1.400.000.000
	<b>145.983.993.541</b>	<b>329.380.590</b>	<b>(66.011.116.751)</b>	<b>80.302.257.380</b>	<b>93.835.102.137</b>	<b>64.840.319.111</b>	<b>(3.331.963.408)</b>	<b>155.343.457.840</b>

(\*) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (mã chứng khoán FLC) bị đình chỉ giao dịch từ ngày 9 tháng 9 năm 2022 và hủy niêm yết bắt buộc từ ngày 20 tháng 2 năm 2023 theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE).

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 7.5 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản chính

Chi tiết các tài sản tài chính hoạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá tài sản tài chính như sau:

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng		Giá trị dự phòng 31/12/2022 VND	Giá trị dự phòng 31/12/2021 VND	Mức trích lập dự phòng kỳ này VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND			
<b>I</b>	<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>					
	Tiền gửi dưới 3 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
	Tiền gửi trên 3 tháng đến 12 tháng	145.000.000.000	145.000.000.000	-	-	-
		<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cho vay</b>					
	Cho vay ký quỹ	463.982.414.081	463.982.414.081	-	-	-
	Ứng trước	16.980.352.908	16.980.352.908	-	-	-
		<b>480.962.766.989</b>	<b>480.962.766.989</b>	-	-	-

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	663.300.000	15.431.050.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	3.917.838.346	338.300
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.700.575.346	-
- Dự thu cổ tức	217.263.000	338.300
Trả trước cho người bán	2.766.461.370	2.698.440.000
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.570.570.659	1.776.672.479
- Phải thu phí lưu ký	2.485.248.793	1.437.142.560
- Phải thu phí môi giới	85.321.866	339.529.919
Dự phòng cho các khoản phải thu khác	(2.092.168.169)	(348.639.552)
	<b>7.826.002.206</b>	<b>19.557.861.227</b>

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu trong năm nay như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi Số đầu năm VND	Số dự phòng Số đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số dự phòng Số cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi Số cuối năm VND
Phải thu phí lưu ký	935.321.615	348.639.552	394.308.617	742.948.169	1.930.048.784
Trả trước người bán	2.698.440.000	-	1.349.220.000	1.349.220.000	2.698.440.000
	<b>3.633.761.615</b>	<b>348.639.552</b>	<b>1.743.528.617</b>	<b>2.092.168.169</b>	<b>4.628.488.784</b>

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.300.830.878	962.565.000
- Tiền thuê văn phòng	223.743.162	177.941.800
- Chi phí công cụ, dụng cụ	8.503.305	10.191.666
- Bản quyền phần mềm	550.147.029	-
- Các dịch vụ khác	518.437.382	774.431.534
Chi phí trả trước dài hạn	1.109.970.278	401.562.923
- Bản quyền phần mềm	444.416.946	-
- Bộ nhớ, ram, ổ cứng	290.459.991	110.208.333
- Công cụ, dụng cụ	107.920.810	160.110.262
- Thuê đường truyền	8.064.000	6.336.000
- Các dịch vụ khác	259.108.531	124.908.328
	<b>2.410.801.156</b>	<b>1.364.127.923</b>

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tài sản hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	427.484.000	13.964.766.163	3.734.400.000	114.558.400	18.241.208.563
Tăng trong năm	-	1.056.238.700	-	-	1.056.238.700
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>427.484.000</b>	<b>15.021.004.863</b>	<b>3.734.400.000</b>	<b>114.558.400</b>	<b>19.297.447.263</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	427.484.000	7.745.263.467	3.123.703.059	114.558.400	11.411.008.926
Khấu hao trong năm	-	944.457.865	242.545.464	-	1.187.003.329
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>427.484.000</b>	<b>8.689.721.332</b>	<b>3.366.248.523</b>	<b>114.558.400</b>	<b>12.598.012.255</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	6.219.502.696	610.696.941	-	6.830.199.637
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	6.331.283.531	368.151.477	-	6.699.435.008

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.442.024.202 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 8.442.024.202 đồng).

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	21.077.961.495	221.657.424	21.299.618.919
Tăng trong năm	4.837.829.088	-	4.837.829.088
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	25.915.790.583	221.657.424	26.137.448.007
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	16.354.792.320	221.657.424	16.576.449.744
Hao mòn trong năm	988.859.799	-	988.859.799
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.343.652.119	221.657.424	17.565.309.543
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.723.169.175	-	4.723.169.175
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	8.572.138.464	-	8.572.138.464

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.048.006.018 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 13.048.006.018 đồng).

## 12. CẦM CÓ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	1.513.105.880	1.513.105.880
Ký cược, ký quỹ cho các hoạt động khác	20.000.000	20.000.000
	<b>1.533.105.880</b>	<b>1.533.105.880</b>

## 13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của kỳ trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.983.879.601	3.837.023.773
Tiền lãi phân bổ	2.802.082.344	2.445.453.730
	<b>8.905.961.945</b>	<b>6.402.477.503</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	6.167.161.161	50.798.388.798
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	474.358.730	1.728.323.115
Phải trả khác	-	436.018.000
	<b>6.641.519.891</b>	<b>52.962.729.913</b>

Bao gồm trong các khoản phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là các khoản phải trả tiền mua chứng khoán của các giao dịch phát sinh trong ngày cuối tháng mà Công ty đã tài trợ cho khách hàng thông qua các khoản cho vay ký quỹ.

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	-	5.284.730.000
Phải trả khác	35.621.882	5.929
	<b>35.621.882</b>	<b>5.284.735.929</b>

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn là các khoản dự chi lãi vay phải trả cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải trả chi phí hoa hồng đại lý	1.168.937.716	3.220.091.878
Phải trả cổ đông nộp tiền tăng vốn	-	3.247.680.000
Phải trả khác	2.844.804	34.391.368
	<b>1.171.782.520</b>	<b>6.502.163.246</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.867.801.995	10.018.768.857	(12.585.577.254)	1.300.993.598
Thuế giá trị gia tăng	5.530.725	85.152.549	(67.138.180)	23.545.094
Thuế thu nhập cá nhân	3.959.939.457	28.340.166.151	(30.137.935.262)	2.162.170.346
- Thuế TNCN của nhân viên	433.968.271	4.007.198.027	(4.277.207.975)	163.958.323
- Thuế TNCN của nhà đầu tư từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn	3.396.794.098	20.731.293.932	(23.097.101.788)	1.030.986.242
- Thuế TNCN của nhà đầu tư từ chuyển nhượng chứng khoán	129.177.088	3.601.674.192	(2.763.625.499)	967.225.781
Thuế môn bài và thuế nhà thầu	-	351.734.761	(324.963.891)	26.770.870
	<b>7.833.272.177</b>	<b>38.795.822.318</b>	<b>(43.115.614.587)</b>	<b>3.513.479.908</b>

## 19. VAY

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Số cuối năm VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>119.370.017.326</b>	<b>727.671.000.000</b>	<b>(568.872.648.200)</b>	<b>(7.691.369.126)</b>	<b>270.477.000.000</b>
- Cá nhân	70.173.767.326	78.353.000.000	(102.836.744.878)	(337.022.448)	45.353.000.000
- Tổ chức kinh tế	49.196.250.000	485.186.000.000	(301.903.903.322)	(7.354.346.678)	225.124.000.000
- Vay thấu chi	-	164.132.000.000	(164.132.000.000)	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>61.100.000.000</b>	<b>187.497.850.000</b>	<b>(162.048.850.000)</b>	-	<b>86.549.000.000</b>
- Cá nhân	61.100.000.000	187.497.850.000	(162.048.850.000)	-	86.549.000.000
	<b>180.470.017.326</b>	<b>915.168.850.000</b>	<b>(730.921.498.200)</b>	<b>(7.691.369.126)</b>	<b>357.026.000.000</b>

Các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 4,00%/năm đến 6,50%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,00%/năm - 8,00%/năm) và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn 2 năm, lãi suất 3,00%/năm đến 6,50%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,00%/năm - 7,50%/năm).

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 20. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	459.000.000.000	5.105.496.556	5.105.496.556	113.723.164.411	582.934.157.523
Tăng vốn trong năm (*)	4.100.000.000	-	-	-	4.100.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	(74.275.967.411)	(74.275.967.411)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>463.100.000.000</b>	<b>5.105.496.556</b>	<b>5.105.496.556</b>	<b>39.447.197.000</b>	<b>512.758.190.112</b>

(\*) Công ty đã phát hành 410.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 02/2021/NQ.ĐHĐCĐ-FNS ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Tổng số tiền mua cổ phiếu đã được nộp đầy đủ vào ngày kết thúc đợt phát hành vào ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số lượng cổ phần Đơn vị	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Sunvie Investment PTE Ltd.	16.660.000	166.600.000.000	35,97
Hoàng Thị Thùy	3.200.000	32.000.000.000	6,91
Khác	26.450.000	264.500.000.000	57,12
	<b>46.310.000</b>	<b>463.100.000.000</b>	<b>100,00</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 20. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 20.1 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>Đơn vị</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Đơn vị</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	46.310.000	45.900.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	46.310.000	45.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán	46.310.000	45.900.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	46.310.000	45.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.310.000	45.900.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	46.310.000	45.900.000

### 20.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	105.128.933.161	64.516.479.848
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(65.681.736.161)	49.206.684.563
	<u><b>39.447.197.000</b></u>	<u><b>113.723.164.411</b></u>

## 21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 21.1 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK*

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	80.591.830.000	48.962.940.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	134.000.000	8.330.000.000
	<u><b>80.725.830.000</b></u>	<u><b>57.292.940.000</b></u>

### 21.2 *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK*

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng của CTCK	-	1.400.000.000

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chờ về	-	<b>980.000.000</b>

### 21.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký	<b>560.000</b>	<b>560.000</b>

### 21.5 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền	<b>40.000</b>	<b>5.617.970.000</b>

### 21.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.171.450.290.000	1.893.695.390.000
Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	6.880.550.000	813.690.000
Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố	1.570.551.220.000	1.570.551.220.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.874.152.150.000	1.874.152.150.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	20.316.890.000	73.457.000.000
	<b>5.643.351.100.000</b>	<b>5.412.669.450.000</b>

### 21.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	5.096.400.000	20.895.900.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	66.038.000.000	-
	<b>71.134.400.000</b>	<b>20.895.900.000</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chờ về	<b>24.717.640.000</b>	<b>51.422.000.000</b>

### 21.9 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền	<b>1.092.120.000</b>	<b>12.310.950.000</b>

### 21.10 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	71.556.378.393	79.497.554.455
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	71.556.378.393	79.497.554.455
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	54.124.677.483	223.677.417.292
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	51.003.916.148	173.200.928.275
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	3.120.761.335	50.476.489.017
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	-	2.982.925
	<b>125.681.055.876</b>	<b>303.177.954.672</b>

### 21.11 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	125.597.652.411	300.923.737.955
- Nhà đầu tư nước ngoài	83.403.465	2.251.233.792
	<b>125.681.055.876</b>	<b>303.174.971.747</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### 22.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ này VND
<b>1</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>5.043.176</b>		<b>199.431.233.530</b>	<b>193.393.115.057</b>	<b>6.038.118.473</b>
	OCB	1.240.099	16.561	20.537.290.500	17.829.986.632	2.707.303.868
	MWG	127.218	144.553	18.389.801.800	16.952.269.900	1.437.531.900
	STB	278.286	30.220	8.409.906.200	7.497.085.317	912.820.883
	ANV	180.000	39.462	7.103.090.000	6.445.575.000	657.515.000
	VIB	279.027	47.031	13.122.906.900	12.592.386.592	530.520.308
	HUT	75.500	42.946	3.242.400.000	2.931.248.871	311.151.129
	HT1	180.200	25.566	4.606.960.000	4.440.510.000	166.450.000
	MBB	406.500	33.091	13.451.625.000	13.288.943.673	162.681.327
	VPB	165.900	38.403	6.371.070.000	6.212.565.576	158.504.424
	GEX	420.202	39.985	16.801.578.100	16.676.994.297	124.583.803
	VCI	190.000	35.284	6.704.000.000	6.631.420.000	72.580.000
	VCB	71.214	79.452	5.658.070.000	5.607.773.567	50.296.433
	CTD	69.046	96.946	6.693.724.250	6.692.694.092	1.030.158
	VNM	130.000	82.808	10.765.000.000	12.058.285.376	(1.293.285.376)
	Cổ phiếu khác	1.229.984	46.809	57.573.810.780	57.535.376.164	38.434.616
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>2.104.408</b>		<b>34.161.379.900</b>	<b>17.356.811.524</b>	<b>16.804.568.376</b>
	ABB	1.753.775	16.409	28.778.570.000	12.302.202.520	16.476.367.480
	ROS	300.000	14.050	4.215.000.000	3.849.555.862	365.444.138
	Cổ phiếu khác	50.633	23.064	1.167.809.900	1.205.053.142	(37.243.242)
		<b>7.147.584</b>		<b>233.592.613.430</b>	<b>210.749.926.581</b>	<b>22.842.686.849</b>
	- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL					26.136.751.505
	- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL					(3.294.064.656)

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 22.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2021 VND	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này VND
1	Cổ phiếu niêm yết	99.744.592.356	47.304.077.560	(52.440.514.796)	14.580.413.148	(67.020.927.944)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	44.839.401.185	31.598.179.820	(13.241.221.365)	46.927.942.555	(60.169.163.920)
3	Trái phiếu niêm yết	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	-
		<b>145.983.993.541</b>	<b>80.302.257.380</b>	<b>(65.681.736.161)</b>	<b>61.508.355.703</b>	<b>(127.190.091.864)</b>

Trong đó:

- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL 31.832.994.103
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (159.023.085.967)

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức từ tài sản tài chính FVTPL	917.078.696	842.257.888
Lãi từ tài sản tài chính HTM	3.854.575.346	459.890.411
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	54.487.358.024	37.378.328.609
	<b>59.259.012.066</b>	<b>38.680.476.908</b>

## 23. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	53.985.005.271	61.447.396.235
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.857.467.736	3.794.427.600
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	700.250.000	872.477.273
Thu nhập hoạt động khác	63.934.000	40.488.000
	<b>56.606.657.007</b>	<b>66.154.789.108</b>

## 24. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác và trả trước người bán	<b>1.743.528.617</b>	<b>156.204.319</b>

## 25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	505.803.794	730.031.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.335.000	61.335.000
Chi phí khác	646.630.881	727.787.730
	<b>1.213.769.675</b>	<b>1.519.154.382</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 26. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoa hồng	24.989.424.618	21.809.092.549
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	10.821.287.639	12.874.551.914
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	2.206.463.620	3.993.128.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	650.650.999	604.646.964
	<b>38.667.826.876</b>	<b>39.281.419.470</b>

## 27. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lưu ký	1.766.245.844	1.970.897.816
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	336.483.954	319.461.813
	<b>2.102.729.798</b>	<b>2.290.359.629</b>

## 28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản theo lương	<b>478.784.960</b>	<b>1.720.177.274</b>

## 29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	16.995.528.063	3.889.429.662
Lãi quỹ hỗ trợ thanh toán	356.628.614	353.144.172
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	323.708.575	526.736.550
	<b>17.675.865.252</b>	<b>4.769.310.384</b>

## 30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	10.344.585.388	4.247.061.736
Chi phí lãi vay	18.905.134.756	8.135.413.865
	<b>29.249.720.144</b>	<b>12.382.475.601</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 31. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	12.598.908.849	17.422.819.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.491.475.746	11.656.334.094
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.714.435.929	1.725.325.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.463.877.129	1.176.692.551
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.172.119.784	299.542.516
Chi phí văn phòng phẩm	46.091.616	22.568.734
Chi phí khác	1.752.572.088	1.079.013.262
	<b>32.239.481.141</b>	<b>33.382.296.086</b>

## 32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### 32.1 Thuế TNDN hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế	(76.558.869.694)	91.140.773.938
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(15.311.773.939)	18.228.154.789
Các khoản điều chỉnh tăng	31.892.959.749	11.672.138.361
<i>Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>	-	17.145
<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL</i>	31.804.617.193	11.503.635.721
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền ngoại tệ</i>	-	12.431.262
<i>Chi phí hoạt động không được khấu trừ</i>	88.342.556	156.054.233
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.562.416.954)	(18.241.584.215)
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL</i>	(6.366.598.821)	(17.831.482.126)
<i>Thu nhập từ cổ tức</i>	(183.415.739)	(168.451.579)
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền ngoại tệ</i>	(12.402.394)	-
<i>Chuyển lỗ</i>	-	(241.650.510)
Lỗ tính thuế	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>10.018.768.857</b>	<b>11.658.708.935</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi thuế TNDN hoãn lại phải trả và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch về đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	-	12.301.671.140	(12.301.671.140)	6.327.846.404
<b>(Thu nhập)/ chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(12.301.671.140)</b>	<b>6.327.846.404</b>

## 33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(74.275.967.411)	73.154.218.599
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông - Đơn vị	46.302.137	34.293.425
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.604)	2.133
(Lỗ)/thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.604)	2.133

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 34.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Bên liên quan với Hội đồng Quản trị Xu Chun	Vay	-	18.640.767.326
	Thanh toán nợ vay	(18.356.244.878)	(3.518.850.000)
	Chi phí lãi vay	368.312.151	138.586.685
Merit Group Australia Pty Ltd.	Vay	453.945.000.000	-
	Thanh toán nợ vay	(252.985.000.000)	-
	Chi phí lãi vay	3.241.888.027	-
Nhân sự chủ chốt	Thu nhập và thù lao	3.417.168.130	2.867.079.343

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Phải thu/(phải trả)</u>	
		<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Bên liên quan với Hội đồng Quản trị Xu Chun	Vay ngắn hạn	-	(18.640.767.326)
	Phải trả lãi vay	-	(85.755.732)
Merit Group Australia Pty Ltd	Vay ngắn hạn	(183.424.000.000)	-
	Phải trả lãi vay	(2.500.130.594)	-

### 34.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Đến 1 năm	7.837.946.155	7.642.959.310
Từ 1 đến 5 năm	17.549.049.135	4.420.874.157
Trên 5 năm	245.000.000	833.000.000
	<b>25.631.995.290</b>	<b>12.896.833.467</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 34.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản vay của Công ty.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty theo dõi trạng thái của các loại ngoại tệ hàng ngày và các chiến lược phòng ngừa rủi ro được áp dụng để đảm bảo trạng thái các loại ngoại tệ được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Phân loại tài sản và công nợ ngoại tệ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	<i>Ngoại tệ USD VND</i>	<i>Ngoại tệ AUD VND</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Tài sản</b>	<b>3.642.766</b>	<b>3.158.848</b>	<b>6.801.614</b>
Tiền	3.642.766	3.158.848	6.801.614
<b>Nợ phải trả</b>	<b>118.500.000.000</b>	<b>64.924.000.000</b>	<b>183.424.000.000</b>
Vay	118.500.000.000	64.924.000.000	183.424.000.000
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(118.496.357.234)</b>	<b>(64.920.841.152)</b>	<b>(183.417.198.386)</b>

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 34.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và UPCoM của Công ty là 78.901.378.180 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 153.942.578.640 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 7.890.137.818 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 15.394.257.864 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 7.890.137.818 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 15.394.257.864 VND).

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 34.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 do chưa đến thời hạn trích lập dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND	Trên 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.874.088.447	-	-	-	-	-	141.874.088.447
Các khoản đầu tư giữ đến đáo hạn	145.000.000.000	-	-	-	-	-	145.000.000.000
Các khoản cho vay	480.962.766.989	-	-	-	-	-	480.962.766.989
Tài sản tài chính khác	15.105.528.037	-	555.200.009	-	-	1.930.048.784	17.590.776.830
- Phải thu bán các tài sản tài chính	663.300.000	-	-	-	-	-	663.300.000
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	3.917.838.346	-	-	-	-	-	3.917.838.346
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	85.321.866	-	555.200.009	-	-	1.930.048.784	2.570.570.659
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.533.105.880	-	-	-	-	-	1.533.105.880
- Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	8.905.961.945	-	-	-	-	-	8.905.961.945
	<b>782.942.383.473</b>	<b>-</b>	<b>555.200.009</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.930.048.784</b>	<b>785.427.632.266</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 34.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	<i>Quá hạn VND</i>	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Đến 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	136.874.088.447	5.000.000.000	-	-	141.874.088.447
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	80.302.257.380	-	-	80.302.257.380
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	145.000.000.000	-	-	145.000.000.000
Các khoản cho vay	-	-	480.962.766.989	-	-	480.962.766.989
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - gộp	2.485.248.793	-	85.321.866	-	-	2.570.570.659
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	663.300.000	-	-	663.300.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	-	-	3.917.838.346	-	-	3.917.838.346
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	1.533.105.880	-	1.533.105.880
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-	8.905.961.945	-	-	8.905.961.945
	<b>2.485.248.793</b>	<b>136.874.088.447</b>	<b>724.837.446.526</b>	<b>1.533.105.880</b>	-	<b>865.729.889.646</b>
<b>NỢ TÀI CHÍNH</b>						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	6.641.519.891	-	-	6.641.519.891
Vay	-	-	270.477.000.000	86.549.000.000	-	357.026.000.000
Nợ tài chính khác	-	-	3.707.534.996	-	-	3.707.534.996
	-	-	<b>280.826.054.887</b>	<b>86.549.000.000</b>	-	<b>367.375.054.887</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>2.485.248.793</b>	<b>136.874.088.447</b>	<b>444.011.391.639</b>	<b>(85.015.894.120)</b>	-	<b>498.354.834.759</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 34.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)


Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

## 35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Tô Thị Ngọc Hà  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Đoàn Thủy  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Đình Khánh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023